

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày: 30-01-2018

V/v Tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Tâm;

Ông Lê Phú Tâm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung, Thư ký
Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/01/2018 tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2017/TLST-KDTM ngày 26/10/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXXST-KDTM ngày 25/12/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH L; trụ sở: Số 73/4, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đinh Duy B, sinh năm 1975; thường trú: Số 467/9, đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh B. (Văn bản ủy quyền số 10/2017/UQ-ĐT ngày 11/10/2017). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương Mại Đ; trụ sở: Số 50/7C, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thế H, sinh năm 1974 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đinh Duy B trình bày:

Ngày 01/01/2013, Công ty TNHH L (sau đây gọi tắt là công ty L) ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 002111985 –HĐMB với công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương mại Đ (sau đây gọi tắt là công ty Đ). Theo hợp đồng, công ty L sẽ bán cho công ty Đ các mặt hàng bao gồm: Keo dán gỗ với các mã hàng LK-02 đơn giá 21.500 đồng/kg, LK-07 đơn giá 23.000 đồng/kg, LK-081 đơn giá 25.000 đồng/kg, LK-09 đơn giá 63.000 đồng/kg; giá cả áp dụng với bảng giá như đã thỏa thuận, trong quá trình mua bán có biến động về giá thì bên bán có trách nhiệm thông báo cho bên mua trước 15 ngày kể từ ngày có biến động về giá; phương thức thanh toán: Bên mua thanh toán cho bên bán bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt hết công nợ tới hạn tối đa 01 tháng kể từ ngày giao hàng và xuất hóa đơn tài chính; ngoài ra hợp đồng còn thỏa thuận về chất lượng và quy cách hàng hóa, bao bì và ký mã hiệu; phương thức giao nhận; bảo hành và hướng dẫn sử dụng hàng hóa; trách nhiệm vật chất trong việc thực hiện hợp đồng; thủ tục giải quyết tranh chấp hợp đồng; hiệu lực hợp đồng từ ngày 01/01/2013 đến hết ngày 01/01/2014 và các thỏa thuận khác.

Sau khi hợp đồng hết hạn, hai bên vẫn tiếp tục mua bán hàng hóa với nhau mà không ký kết lại hợp đồng mới. Từ năm 2014 đến hết tháng 11/2016, công ty L vẫn cung cấp sản phẩm keo dán gỗ cho công ty Đ cụ thể như sau:

- Đợt 1: Hai bên xác nhận tổng số tiền mua hàng còn nợ theo biên bản đối chiếu công nợ đến hết ngày 21/01/2015 là 77.759.000 đồng;

- Đợt 2: Vào các ngày 13/8/2015, ngày 28/11/2015 và ngày 04/11/2016, công ty L tiếp tục bán hàng cho công ty Đ với tổng số tiền hàng 29.340.000 đồng, có phiếu giao hàng nhưng công ty L chưa xuất được hóa đơn tài chính.

Như vậy, tổng số tiền hàng của hai đợt mà công ty Đ chưa thanh toán là 107.099.000 đồng.

Công ty L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty Đ phải thanh toán số tiền 128.482.000 đồng, bao gồm 107.099.000 đồng tiền hàng còn nợ và 21.383.000 đồng tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền nợ đợt 1 là 77.759.000 đồng x 10%/năm x 33 tháng. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 8.76%/năm và làm tròn số tiền lãi là 21.000.000 đồng. Tổng cộng công ty L yêu cầu công ty Đ phải thanh toán số tiền 128.099.000 đồng.

Quá trình tố tụng, bị đơn công ty Đ đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 12/01/2018 và ngày 30/01/2018, nhưng công ty Đ vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Ý kiến đối với nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 50, 55 Luật thương mại có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện khởi kiện: Công ty L có đơn yêu cầu giải quyết việc hợp đồng mua bán hàng hóa với công ty Đ; trụ sở: Số 50/7C, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vì vậy, đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B theo quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự thì “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*”. Kể từ thời điểm công ty Đ chậm thanh toán tiền hàng đợt đầu tiên và hai bên có biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/01/2015 và đợt hàng thứ hai giao hàng vào các ngày 13/8/2015, ngày 28/11/2015 và ngày 04/11/2016. Đến ngày 16/10/2017, công ty L khởi kiện công ty Đ yêu cầu thanh toán các khoản nợ trên nên thời hiệu giải quyết vụ án vẫn còn.

[3] Về tố tụng: Công ty Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt công ty Đ.

[4] Về nội dung: Ngày 01/01/2013, Công ty L ký hợp đồng mua bán cung cấp cho công ty Đ mặt hàng keo dán gỗ, số lượng và giá cả do hai bên thỏa thuận theo từng thương vụ; thời điểm, phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, thời hạn thanh toán: Trong vòng 30 ngày kể từ khi công ty Đ nhận hàng hóa và hóa đơn bán hàng. Hai bên không thỏa thuận với nhau về lãi suất chậm thanh toán. Thời hạn hợp đồng 01 năm từ ngày 01/01/2013 đến 01/01/2014. Kể từ sau khi hết hạn hợp đồng công ty L vẫn tiếp tục cung cấp hàng cho công ty Đ cho đến hết ngày 04/11/2016.

[5] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/01/2015 giữa công ty L và công ty Đ đã thống nhất số nợ là 77.759.000 đồng, số tiền này phía nguyên đơn cho rằng là tiền hàng của đợt 1 và có xác nhận của bị đơn nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Đối với số nợ đợt 2 các phiếu giao hàng vào các ngày 13/8/2015, ngày 28/11/2015 và ngày 04/11/2016. Mặc dù công ty L chưa xuất được hóa đơn tài chính nhưng trong các phiếu giao hàng người nhận cũng trùng khớp với người nhận là nhân viên của công ty Đ của các lần giao nhận hàng trước đây nên yêu cầu đối với đợt giao hàng thứ hai là có cơ sở xem xét. Đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của công ty L đối với đợt hàng đầu tiên số tiền 21.383.000 đồng, cụ thể nợ gốc 77.759.000 đồng tính từ ngày hai bên đối chiếu công nợ

ngày 21/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 36 tháng x 8,76%/năm, nhưng chỉ yêu cầu số tiền 21.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên có cơ sở chấp nhận.

[6] Lời trình bày của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp như những phân tích nêu trên.

[7] Từ những phân tích nêu trên xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 50, 55 và Điều 306 Luật thương mại 2005; các Điều 30, 147, 227, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH L với Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương Mại Đ về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương Mại Đ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH L số tiền nợ 128.099.000 đồng, trong đó bao gồm 107.099.000 đồng nợ gốc và 21.000.000 đồng nợ lãi do chậm thanh toán.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương Mại Đ phải chịu 6.404.950 đồng. Công ty TNHH L không phải chịu. Hoàn trả cho công ty TNHH L số tiền 3.212.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010220 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương Mại Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX Dĩ An;
- Thi hành án TX Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu VT; Hsva.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Nguyệt Ánh